

# TỔNG HỢP VỀ QUAN NIỆM AN NINH CON NGƯỜI HIỆN NAY

## 1. Khái niệm về an ninh con người

Sau chiến tranh lạnh khái niệm an ninh con người được sử dụng phổ biến bắt nguồn từ công trình nghiên cứu về an ninh cá nhân của nhà tâm lý học Canada W.E. Blatz vào những năm 60 của thế kỷ 20. Sau đó, khái niệm an ninh con người đã được chương trình phát của Liên hợp quốc (UNDP) thúc đẩy phát triển hoàn chỉnh hơn và chuyển hóa vào các chương trình hành động của mình. Báo cáo Phát triển con người của Liên hợp quốc (UNDP) công bố năm 1994 cho rằng: Quan niệm an ninh trong thời gian quá dài đã được giải thích theo nghĩa hẹp, dừng lại ở an ninh lãnh thổ trước sự xâm lược từ bên ngoài, ở việc bảo vệ lợi ích dân tộc trong chính sách đối ngoại và ở an ninh toàn cầu trước đe dọa hủy diệt hạt nhân - tức là nhấn mạnh vào khía cạnh quốc gia - dân tộc chứ không phải người dân, trong khi người dân luôn tìm kiếm an ninh cho cuộc sống thường ngày của họ. Năm 2003, ủy ban An ninh con người của Liên hợp quốc đưa ra quan niệm an ninh là các mối đe dọa bệnh tật, đói nghèo, thất nghiệp, tội phạm, xung đột xã hội, trấn áp chính trị và các nguy cơ về môi trường sống, rồi mở rộng khái niệm đến cả việc bảo vệ cho các nạn nhân của di dân, tị nạn do xung đột, cải thiện các điều kiện sống để vượt đói nghèo, được chăm sóc y tế và được tiếp nhận kiến thức.

Theo cách tiếp cận nêu trên, UNDP quan niệm an ninh con người là tình trạng người dân không bị đe dọa bởi đói nghèo bệnh tật, sự trấn áp và tai nạn bất ngờ. Báo cáo của UNDP đưa ra bảy nội dung chủ yếu của an ninh con người, gồm: an ninh kinh tế; an ninh lương thực; an ninh sức khỏe; an ninh môi trường; an ninh cá nhân; an ninh cộng đồng; an ninh chính trị.

Trên cơ sở định nghĩa và những nội dung trên, Báo cáo của UNDP đã nêu ra những đặc tính cơ bản của an ninh con người bao gồm, an ninh con người là mối quan tâm chung; các nội dung của an ninh con người, quan hệ mật thiết và phụ thuộc lẫn nhau; an ninh con người được đảm bảo dễ dàng bằng biện pháp ngăn ngừa sớm hơn là bằng biện pháp can thiệp sau đó; an ninh con người lấy con người làm trung tâm. Trong báo cáo nêu rõ, an ninh con người không đồng nghĩa với phát triển con người vì khái niệm sau mang

ý nghĩa rộng hơn khái niệm trước; tuy nhiên, giữa hai khái niệm này có mối liên quan chặt chẽ. Đồng thời, an ninh con người cũng không đồng nghĩa với vấn đề nhân quyền, nhưng giữa chúng cũng có mối liên quan với nhau. An ninh con người về cơ bản mang tính tích cực vì có hiệu quả và khả thi hơn khi tiến hành các biện pháp phòng ngừa hơn là can thiệp khi khủng hoảng đã nổ ra.

Ví dụ: Chi phí cho ngăn chặn bệnh HIV/AIDS lây lan bằng cách đầu tư vào chăm sóc sức khỏe ban đầu hay giáo dục kế hoạch hóa gia đình ít hơn nhiều khi bệnh này trở thành dịch bệnh, về phương diện này, an ninh con người được coi là phát triển con người. Do đó, bảo đảm phát triển con người bền vững là nhằm đảm bảo an ninh con người.

Tuy nhiên, một số người cho rằng, sự nhấn mạnh đến việc đảm bảo an ninh quốc gia làm phương hại đến an ninh con người. Họ nhận định, những mối quan tâm chính đáng đối với những người dân bình thường tìm kiếm an ninh trong cuộc sống hàng ngày thường bị lãng quên; đối với nhiều người dân, an ninh tức là được bảo vệ khỏi bị bệnh tật, nghèo đói, thất nghiệp, tội ác, xung đột xã hội, đàn áp chính trị và hủy hoại môi trường. Thực tế lịch sử cho thấy, trong nhiều trường hợp, khi tăng cường an ninh của quốc gia thường trực tiếp làm tổn hại đến an ninh và đời sống của công dân. Do đó, họ lập luận rằng, khái niệm an ninh cần phải thay đổi từ chỗ chỉ nhấn mạnh đến an ninh lãnh thổ sang nhấn mạnh nhiều hơn đến an ninh con người. Thậm chí, nó còn che đậy cho các mưu đồ chính trị dưới các khái niệm “an ninh con người cao hơn an ninh quốc gia”. Đây là một quan điểm cực đoan và thiếu khách quan nên khi nghiên cứu vấn đề an ninh con người chúng ta cần lưu ý.

Theo quan niệm của UNDP, an ninh con người có hai khía cạnh chính là an toàn trước các mối đe dọa triền miên như đói khát, bệnh tật, áp bức...; và con người phải được bảo vệ trước những biến động bất thường và có hại đối với cuộc sống hàng ngày, bất kể con người đang sống trong môi trường nào. Cũng trong báo cáo này, an ninh con người được khái quát thành 4 đặc trưng chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, an ninh con người mang tính phổ biến. Mặc dù có sự phát triển khác nhau ở các quốc gia (mạnh, yếu, giàu nghèo, nước lớn hay nhỏ), có sự

khác nhau về mức độ, tính chất các nguy cơ đe dọa tới an ninh con người ở nơi này, nơi khác song đó là thực tế và đang gia tăng trên toàn cầu.

*Thứ hai*, các yếu tố cấu thành, tác động tới an ninh con người đều phụ thuộc, tác động chuyển hóa lẫn nhau và không thể tách rời. Con người với tư cách công dân của cộng đồng xã hội hiện đại, dù sống trong không gian, thời gian nào đó bị đe dọa bởi đói nghèo, bệnh tật, ma túy, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh xung đột... thì phần còn lại của thế giới cũng sẽ bị dính líu liên quan và tác động.

*Thứ ba*, những nguy cơ, yếu tố tác động tới an ninh con người phải được ngăn ngừa sớm, tốt hơn ngăn ngừa muộn, phòng hơn chống. Điều đó đòi hỏi trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng đồng, quốc gia dân tộc, tổ chức quốc tế, khu vực và cả thế giới, thậm chí đến từng gia đình, từng người trong việc phòng - chống nguy cơ đe dọa an ninh con người.

*Thứ tư*, an ninh con người xác định con người là mục tiêu, con người là trung tâm. An ninh thế giới, an ninh quốc gia, an ninh xã hội, an ninh cộng đồng và an ninh con người đều có quan hệ tương tác, suy cho cùng cũng là vì con người, do con người.

Trên cơ sở phương pháp tiếp cận trên về khái niệm, đặc trưng, nội hàm của an ninh con người, Liên hợp quốc còn đưa ra 7 nhân tố cấu thành, tác động đến an ninh con người. Đó là: an ninh kinh tế; an ninh lương thực; an ninh sức khỏe; an ninh môi trường; an ninh cá nhân; an ninh cộng đồng; an ninh chính trị. Những yếu tố này tác động đến an ninh con người từ nhiều góc độ, phương diện khác nhau, tùy theo hoàn cảnh không gian, thời gian, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến từng người, cộng đồng người nhất định. An ninh kinh tế tùy theo mức độ và quy mô tác động đến con người, song trực tiếp và nổi cộm là bảo đảm an sinh xã hội, việc làm, nhất là thu nhập của người lao động, tạo điều kiện, cơ sở vật chất thực hiện, bảo đảm cuộc sống, an ninh cho con người, đảm bảo quyền sống và phát triển. An ninh lương thực đảm bảo cho con người không bị đói, cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho cuộc sống của con người; đồng thời dự trữ và phân phối lương thực có hiệu quả, đảm bảo mọi người đều có cơ hội và khả năng cung ứng lương thực. Trong một thế giới hiện đại, do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện tại còn 800 triệu người đói, nhất là ở các nước đang phát

triển, nước nghèo, nguy cơ này vẫn có khả năng gia tăng. Mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững là một trong những mục tiêu thiên niên kỷ của cộng đồng quốc tế, thực chất cũng chính là thực hiện quyền con người, quyền sống, tự do, bình đẳng. Sức khỏe là vốn quý của con người. Sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. An ninh sức khỏe trước hết và trên hết là đảm bảo an toàn cho con người trước mọi nguy cơ đe dọa tới sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần. Đảm bảo cơ sở vật chất trong cuộc sống và sinh hoạt, dịch vụ chăm sóc về y tế, bảo hiểm xã hội, phòng ngừa và chống lại dịch bệnh hiểm nghèo..., đảm bảo phát triển con người hoàn thiện và bền vững. Con người sống, tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên và xã hội nhất định. Con người là một thực thể của tự nhiên, cải tạo, chinh phục thiên nhiên phục vụ con người. Song do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm: ô nhiễm đất đai, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, cạn kiệt tài nguyên, gây nên hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lụt, động đất, sóng thần... đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của con người. Thiên nhiên “nổi giận”, “trừng phạt”, đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống bình an của con người. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... trở thành vấn đề toàn cầu cấp bách, đe dọa đến sự tồn vong của nhân loại, đến an ninh toàn cầu và mỗi con người.

An ninh cá nhân, suy cho cùng cũng là sự bảo toàn cho từng cá nhân trong cộng đồng, trong xã hội nhất định, là mục tiêu cuối cùng. Song ở đây nhấn mạnh an ninh cá nhân là sự bảo đảm cho mỗi người trước nguy cơ đe dọa từ hành vi bạo lực, như: tra tấn lao động khổ sai, chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo lực gia đình, lạm dụng trẻ em... Con người sống, mưu cầu hạnh phúc thường là gắn với gia đình, nhóm người, cộng đồng người, quốc gia dân tộc, cộng đồng xã hội nhất định. Do đó, an ninh cộng đồng, hay cũng có thể hiểu là an ninh xã hội, nhất định trong đó có con người, từng công dân sinh sống phải được bảo đảm là điều kiện, cơ sở thực hiện an ninh con người. An ninh con người được bảo đảm cũng có nghĩa an ninh xã hội, an ninh cộng đồng được giữ vững. Con người sống và mưu cầu hạnh phúc thường gắn với xã hội, thể chế chính trị - xã hội nhất định. Sự ổn định chính trị - xã hội là yếu tố cơ bản, là tiền đề để xã hội phát triển. Sự ổn định chính trị - xã hội cũng đồng nghĩa với an ninh chính trị - xã hội được giữ

vững. Đó là tiền đề bảo đảm thực thi quyền con người, con người được an toàn, tự do, phát triển cả về thể chất và tinh thần. Như vậy, những nhân tố trên thể hiện tổng hòa các mối quan hệ, giao thoa, chồng lấn, trực tiếp và gián tiếp đến an ninh con người từ khía cạnh, góc độ, quy mô khác nhau. Điều đó cũng khẳng định rằng an ninh con người là khái niệm mang nội hàm, đặc trưng toàn diện, lấy con người làm mục tiêu đầu tiên và cũng là cuối cùng; con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển trong thế giới hiện đại.

Khi nghiên cứu, bàn đến an ninh con người thường gắn với các nguy cơ, các mối đe dọa đến con người. Các mối đe dọa đó thường được phân định thành hai cấp là mối đe dọa từ cấp quốc gia thường diễn ra trong biên giới quốc gia; và mối đe dọa mang tính toàn cầu, xuyên quốc gia. Nhưng sự phân định này cũng chỉ là tương đối tùy theo quy mô, phạm vi, tính chất tác động của vấn đề đến từng quốc gia. Đó là nguy cơ bùng nổ dân số không kiểm soát được; xuống cấp về môi trường, biến đổi khí hậu; tội phạm xuyên biên giới (ma túy, công nghệ cao, khủng bố quốc tế, chạy đua vũ trang, phổ biến vũ khí, buôn lậu, rửa tiền...), nạn nghèo đói, dịch bệnh, hạn hán, bão lụt thiên tai...

Một chuyên gia tư vấn đặc biệt về quản trị UNDP đã đưa ra nhận định<sup>1</sup>: “An ninh con người: đó không chỉ là an ninh của đất đai, mà là an ninh con người, không chỉ an ninh thông qua các cánh tay mà đó là an ninh thông qua sự phát triển, đó không chỉ là an ninh quốc gia nào mà đó là an ninh cá nhân trong ngôi nhà của họ, đó không chỉ là sự bảo vệ chống lại các cuộc xung đột giữa các quốc gia, mà đó là bảo vệ chống lại các cuộc xung đột giữa con người”.

Tuy nhiên, cách tiếp cận an ninh con người trên đây rất rộng. Còn có cách hiểu hẹp hơn, thường được gọi là cách tiếp cận Canada, với giới hạn an ninh con người ở tình trạng không có lo sợ gì về các đe dọa bạo lực từ mua bán ma túy, các loại mìn sát thương trên mặt đất, xung đột sắc tộc, buôn lậu vũ khí, sự thất bại của nhà nước. Nó nhấn mạnh đến khả năng can thiệp tức thời hơn là đầu tư chiến lược dài hạn cho phát triển bền vững.

---

<sup>1</sup> Mahbu UI Haq chuyên gia tư vấn đặc biệt về quản trị UNDP.

Trong học thuyết an ninh con người của Liên minh Châu Âu đã nhận dạng 4 mối đe dọa chính: chủ nghĩa khủng bố; việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; các cuộc xung đột khu vực; các nhà nước suy yếu không làm tròn nhiệm vụ; tội phạm có tổ chức. Các mối đe dọa này gắn kết với nhau và tạo ra tình trạng mất an ninh nghiêm trọng đối với con người trên phạm vi toàn cầu. Vì vậy, để ứng phó với các mối đe dọa an ninh con người, học thuyết này nhấn mạnh vào 3 cấu phần:

- Cấu phần thứ nhất có 7 nguyên tắc cho hoạt động trong tình huống mất an ninh nghiêm trọng:

+ Quyền con người, trước hết là quyền được sống, được có chỗ ở, được tự do bộc lộ quan điểm,... cần được tôn trọng và bảo vệ ngay cả trong khi đang diễn ra xung đột.

+ Quyền lực chính trị rõ ràng cho phái đoàn quốc tế được đưa đến nơi xảy ra mất an ninh nghiêm trọng.

+ Chủ nghĩa đa phương với 3 khía cạnh cơ bản: cam kết hoạt động với các thiết chế quốc tế (Liên hợp quốc, OSCE, NATO..), cam kết những cách thức làm việc chung, các nguyên tắc chung và cam kết phối hợp chứ không phải cạnh tranh.

+ Cách tiếp cận từ dưới lên như một phương pháp nghiên cứu tại chỗ cần được thực hiện xuyên suốt vì sự bén rễ quá sâu của cách tiếp cận từ trên xuống trong các thiết chế quốc tế.

+ Sự tập trung khu vực với hàm ý các cuộc chiến tranh xung đột bây giờ không có đường biên rõ ràng và phần lớn lan tỏa ra ở cấp khu vực, cho nên nếu chỉ tập trung chú ý vào địa bàn quốc gia sẽ dễ bỏ qua việc ngăn chặn sự lan tỏa bạo lực.

+ Sử dụng các công cụ pháp luật, trong đó tiếp tục áp dụng luật địa phương nhưng có sự pha trộn với luật quốc tế.

+ Sử dụng thích hợp sức mạnh ở mức tối thiểu nằm trong sự liên kết thích hợp năng lực dân sự - quân sự cho việc thực hiện các hoạt động bảo vệ an ninh con người.

- Cấu phần thứ hai là một lực lượng ứng phó bảo vệ an ninh con người với 15.000 biên chế, trong đó 1/3 là dân sự.

Cấu phần thứ ba là một khung khổ luật pháp mới điều chỉnh cả việc quyết định can thiệp lẫn các hoạt động trên mặt đất.

Nhiều người phê phán quan niệm an ninh con người nêu trên quá rộng, làm cho khái niệm an ninh chuyển từ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ sang bảo vệ an ninh cá nhân con người, kể cả xâm phạm chủ quyền an ninh quốc gia của nước khác. Nói cách khác, cách tiếp cận an ninh con người của EU thể hiện ở khía cạnh: Những người châu Âu không thể có an ninh trong khi những người khác trên thế giới sống trong tình cảnh mất an ninh nghiêm trọng, do vậy, EU phải can dự vào an ninh con người được diễn giải dưới các lý do đạo đức, pháp lý và quyền lợi của mình<sup>2</sup>.

Từ cách tiếp cận trên, mục tiêu của an ninh con người là “tất cả vì con người, con người làm trung tâm trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia”. Theo đó, người ta xây dựng tiêu chí, chỉ số đo về an ninh con người, đó là: an ninh kinh tế; an ninh sức khỏe; an ninh chính trị; an ninh môi trường; an ninh giáo dục. Những tiêu chí, chỉ số đo về nội hàm an ninh con người luôn được bổ sung, mở rộng và cụ thể hóa theo thời gian và không gian. Song mục tiêu của an ninh con người là “tất cả vì con người, con người là trung tâm”. Tuy nhiên, mỗi nước, mỗi tổ chức định nghĩa an ninh con người với phạm vi rộng và hẹp khác nhau, trong đó có cả những mục tiêu chính trị, phải thận trọng khi sử dụng các khái niệm này.

## **2. Nhận dạng về an ninh con người**

Sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt, các mối đe dọa quân sự giữa quốc gia này với quốc gia khác có xu hướng giảm dần nhưng các mối đe dọa đến cá nhân con người vẫn rình rập, có thể xuất phát từ các yếu tố quốc nội hoặc yếu tố bên ngoài. Vì vậy, an ninh con người được quan tâm, nhất là trong điều kiện quyền con người ngày càng được coi trọng ở các giá trị phổ quát mang tính toàn nhân loại, bao gồm cả quyền được sống, quyền an ninh và quyền phát triển.

---

<sup>2</sup>Xem Bùi Huy Khoát: An ninh con người: Quan niệm châu Âu - vấn đề của Đông Nam Á, Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 4-2009 (103), tr.4-7.

Tuy vậy, quan niệm về an ninh con người giữa các khu vực, quốc gia vẫn rất khác biệt nhau, do bị chi phối bởi chủ thuyết phát triển, truyền thống văn hóa. Chẳng hạn, các nước vốn theo đuổi chủ nghĩa tự do, đề cao các quyền tự nhiên của cá nhân con người, thường có cách định nghĩa và giới hạn các vấn đề an ninh con người khác với các nước Hồi giáo hay Nho giáo, vốn thường nhấn mạnh đến các giá trị và lợi ích cộng đồng. Ngay trong học giới hoặc chính giới, có người đưa ra phạm vi an ninh con người rất rộng lớn, gồm bất cứ lĩnh vực nào đe dọa đến quyền sống, quyền an ninh và quyền phát triển của con người; nhưng cũng có người chỉ giới hạn an ninh con người ở một số nội dung chủ yếu; có những quốc gia né tránh vấn đề an ninh con người vì lo ngại xung đột với an ninh thể chế; có những quốc gia thường đặt an ninh con người thành vấn đề chính trị để lợi dụng can thiệp vào chủ quyền, công việc nội bộ của quốc gia khác.

Trên ý nghĩa đó, định dạng đầy đủ vấn đề an ninh con người có ý nghĩa rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đó mới có thể đề xuất một quan niệm đầy đủ, phù hợp về an ninh con người cho Việt Nam, vừa đảm bảo quyền con người cơ bản, phù hợp luật pháp quốc tế, vừa bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, tránh bị các nước khác lợi dụng vấn đề quyền con người, an ninh con người để can thiệp vào độc lập và chủ quyền dân tộc.

### **3. Quan hệ giữa an ninh con người với các vấn đề xã hội khác**

Nghiên cứu khái niệm an ninh con người cũng cần làm rõ mối quan hệ với các khái niệm an ninh quốc gia, an ninh quốc tế, quyền con người, an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, an sinh xã hội... Trong đó, cần nhấn mạnh đến các vấn đề sau:

*Một là, an ninh con người có mối quan hệ khăng khít, tương hỗ với an ninh quốc gia, an ninh quốc tế. An ninh con người được bảo đảm khi an ninh quốc gia được giữ vững và ngược lại an ninh quốc gia được xây dựng trên nền tảng an ninh con người. An ninh con người, an ninh quốc gia bền vững chỉ khi an ninh quốc tế được bảo đảm. Đặc biệt, trong xu thế toàn cầu hóa, cùng với tiến bộ cách mạng khoa học - công nghệ, hội nhập quốc tế phát triển, thế giới là một thể thống nhất đa dạng, tính tùy thuộc lệ thuộc ngày càng gia tăng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực an ninh.*



Hai là, cần phân định rõ quyền con người với an ninh con người. Con người sinh ra có quyền sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc. Quyền con người là thành tựu chung của nền văn minh nhân loại. Khái niệm quyền con người là khái niệm chính trị pháp lý, mang giá trị nhân văn cao quý. Trong suốt chiều dài lịch sử, tư tưởng về quyền con người phản ánh khát vọng của con người được sống trong nhân phẩm, tự do, công lý, bình đẳng, loại bỏ tàn bạo áp bức bất công, được thể hiện trong Tuyên ngôn độc lập của Hoa Kỳ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp (1789)... Thuật ngữ quyền con người xuất hiện trong nhiều đề xuất của Liên Xô, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Anh năm 1944, được chính thức đưa vào Hiến chương Liên hợp quốc (năm 1945). Sau đó, cũng trong năm 1945 (48/58 thành viên) Liên hợp quốc thông qua Tuyên ngôn thế giới về quyền con người. Cho đến nay, đặc trưng cơ bản nhất về quyền con người trong các văn bản của Liên hợp quốc gồm:

- Quyền con người được thực hiện trên cơ sở sự tôn trọng nhân phẩm và giá trị của mỗi người, trong đó nhà nước có trách nhiệm hàng đầu.
- Quyền con người có tính phổ quát, bình đẳng, không phân biệt đối xử với tất cả mọi người.
- Quyền con người là bất khả xâm phạm, không chia cắt, liên quan và phụ thuộc lẫn nhau.

Quyền con người là giá trị chung của toàn thể loài người và mỗi dân tộc, là chuẩn mực chung cho tất cả các dân tộc và quốc gia hướng tới. Trong Tuyên ngôn nhân quyền khẳng định: Tất cả mọi người không phân biệt, sinh ra đều tự do, bình đẳng về phẩm giá và các quyền, nhấn mạnh những nguyên tắc cơ bản của sự bình đẳng, không phân biệt trong việc hưởng các quyền và tự do cơ bản. Đồng thời, Tuyên ngôn cũng quy định các quyền cơ bản con người được hưởng, trong đó có quyền sống, tự do và an ninh cá nhân (Điều 3), quyền bảo đảm an ninh xã hội (Điều 22)... Như vậy, trong Tuyên ngôn nhân quyền có quy định rất nhiều quyền của con người, trong đó có quyền về bảo đảm an ninh; an ninh xã hội và an ninh con người. Do vậy, cần làm rõ phân định khái niệm quyền con người và an ninh con người:

+ Khái niệm quyền con người và an ninh con người là hai khái niệm, phạm trù, nội hàm khác nhau, không đồng nhất, song chồng lấn. Quyền con

người mang tính tổng hợp và toàn diện, còn an ninh con người là một quyền trong nội hàm của quyền con người.

+ An ninh con người xác định quyền con người được bảo đảm an ninh, an toàn trong việc phòng ngừa, chống lại nguy cơ đe dọa (tình huống cụ thể) tới con người và quyền con người về thể chất và tinh thần.

+ Quyền con người là khái niệm, phạm trù rộng, toàn diện, bao quát hơn khái niệm, nội hàm an ninh con người. Song đều có mục tiêu chung là vì con người, lấy con người là trung tâm. Tự do của con người là yếu tố căn bản, trọng tâm, cốt lõi của quyền con người và an ninh con người.

Ba là, không đồng nhất khái niệm an ninh con người với khái niệm an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống. Trong những thập kỷ gần đây, nhất là sau khi kết thúc Chiến tranh lạnh, ngoài những khái niệm như an ninh quốc gia, an ninh thế giới, an ninh hợp tác, an ninh toàn diện... trên diễn đàn quốc tế, khu vực và trong nước xuất hiện cụm từ an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, an ninh con người. An ninh truyền thống là sự phòng ngừa, chống lại nguy cơ đe dọa đến độc lập, chủ quyền quốc gia hoặc an ninh toàn cầu bằng biện pháp quân sự (chiến tranh, xung đột), bạo lực đến từ một quốc gia khác (nhóm quốc gia) như Chiến tranh thế giới thứ I, Chiến tranh thế giới thứ II, xung đột khu vực (Xyri, Libi, Irắc...), diễn ra trong thời kỳ chiến tranh nóng, lạnh. An ninh phi truyền thống xuất hiện khi mà thế giới đã thay đổi, ngoài nguy cơ đe dọa về bạo lực quân sự xuất hiện nguy cơ mới đe dọa tới an ninh quốc gia, an ninh toàn cầu, xuyên biên giới, phi bạo lực như: an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, tội phạm xuyên biên giới (ma túy, buôn người...), dịch bệnh hiểm nghèo... Đối tượng, phạm vi, tính chất, quy mô đe dọa ngày càng tăng. Phân biệt khái niệm an ninh truyền thống và phi truyền thống chỉ là tương đối, có sự chùng lún, chuyển hóa về nội hàm. Do vậy cần xác định rõ:

- Phân biệt an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống chủ yếu khác biệt xuất phát từ góc độ tiếp cận lịch sử (thời gian, cũ và mới). Tính truyền thống thể hiện những nguy cơ đe dọa tới an ninh quốc gia thường diễn ra lặp đi lặp lại, ổn định và có tính phổ biến trong thời gian nhất định ở thời điểm so với hiện tại.

- Sự khác biệt về đối tượng, quy mô và tính chất: An ninh truyền thống chủ yếu nguy cơ đe dọa bạo lực, chiến tranh quân sự, xung đột vũ trang đến từ một quốc gia, nhóm các quốc gia khác. Còn an ninh phi truyền thống chủ yếu từ nguy cơ phi bạo lực, xuyên biên giới, ngày càng gay gắt (môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên biên giới, dịch bệnh...) đến an ninh quốc gia, toàn cầu, đến từng cộng đồng và từng con người.

- Sự đe dọa các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống đều tác động đến an ninh quốc gia, an ninh toàn cầu, đến an ninh con người và quyền con người.

- An ninh truyền thống chủ yếu xác định là an ninh quốc gia, lấy nhà nước, quốc gia dân tộc làm trung tâm; độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thể chế chính trị, chế độ chính trị làm mục tiêu đối tượng.

- An ninh phi truyền thống và an ninh con người lấy mục tiêu con người, đặt con người là trung tâm, con người là động lực, mục tiêu của sự phát triển. Đó là quyền con người, trong đó có quyền bảo đảm an ninh cho con người.

- An ninh truyền thống, phi truyền thống và an ninh con người đều khẳng định trách nhiệm cao của cộng đồng quốc tế, quốc gia dân tộc, cộng đồng người, thậm chí từng người trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, hữu nghị, hòa bình, hợp tác và phát triển mới có thể giải quyết được.

*Bốn là*, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, trật tự an ninh an toàn xã hội và an ninh con người: những khái niệm này có điểm đồng nhất và không đồng nhất. Khái niệm an sinh xã hội được nêu trong Tuyên ngôn nhân quyền của Liên hợp quốc: Mọi người như một thành viên của xã hội, có quyền an sinh xã hội và được quyền thực hiện, thông qua nỗ lực quốc gia, hợp tác quốc tế, phù hợp với tổ chức và các nguồn lực của mỗi quốc gia, các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa không thể thiếu cho nhân phẩm của mình vì sự phát triển tự do của nhân cách con người. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng chỉ rõ: An sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng nhằm thúc đẩy những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn, thất nghiệp, thương tật, chết, tuổi già... Xét về bản chất, an sinh xã hội góp phần bảo đảm an sinh cho mỗi thành viên trong xã hội, thông qua những

biện pháp công cộng, hướng tới sự thịnh vượng và hạnh phúc cho xã hội, cho mọi người, về cấu trúc, an sinh xã hội bao gồm những thành phần cơ bản: bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, các dịch vụ xã hội khác hướng tới mục tiêu, bảo đảm an sinh, phát triển con người và xã hội. Trong đó vai trò, trách nhiệm của nhà nước, chính phủ thông qua hệ thống chính sách, hình thức, biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận nguồn lực đầy đủ và thụ hưởng nguồn lực thiết thực, bình đẳng, nhất là những tầng lớp yếu thế trong xã hội (người nghèo, người già, trẻ em, người bệnh, người thất nghiệp...).

Phúc lợi xã hội là một bộ phận thu nhập quốc dân được sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của mỗi thành viên trong xã hội, chủ yếu phân phối ngoài thu nhập theo lao động, phân phối lại, thông qua hệ thống chính sách, các chương trình, dịch vụ xã hội về kinh tế, đời sống, văn hóa, tinh thần, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe... nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội, mỗi thành viên trong xã hội về vật chất và tinh thần. Khái niệm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội là hai khái niệm có sự tương đồng và khác biệt, nhất là trong thực tiễn do những quan điểm, cách tiếp cận khác nhau, song nội hàm của hai khái niệm này có sự chồng lấn, nhất là trong hoạt động thực tiễn có sự đan xen về nội dung và hình thức. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội có điểm chung hướng tới một xã hội thịnh vượng, bình đẳng, dân chủ hơn, cho cuộc sống của mỗi con người tốt đẹp hơn. Sự khác biệt thể hiện chủ yếu ở hình thức và biện pháp thực hiện: An sinh xã hội chủ yếu phân phối trong thu nhập theo lao động, còn phúc lợi xã hội chủ yếu phân phối ngoài thu nhập, phân phối lại, nhằm giảm bớt sự bất bình đẳng trong xã hội.

An ninh xã hội thực chất là khả năng phòng ngừa, ứng phó với những nguy cơ đe dọa nhằm bảo đảm trật tự, an ninh an toàn xã hội. Trật tự là tình trạng ổn định, thứ bậc, trước - sau... yên ổn trọn vẹn, không có sự xáo trộn. Trật tự, an toàn xã hội là chỉ trạng thái ổn định, có trật tự, kỷ cương xã hội. Trật tự kỷ cương xã hội được xác lập trên cơ sở quy tắc ứng xử do nhà nước ban hành (quy phạm pháp luật về giá trị xã hội, giá trị đạo đức, lối sống... xã hội thừa nhận và tuân thủ). Nhà nước cần phải áp dụng các biện pháp theo luật định để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm xâm hại đến an toàn của người dân, trật tự kỷ cương của đất nước nhằm phát triển ổn định. Thực chất đó là sự bảo đảm an ninh, an toàn xã hội.

Như vậy, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội với an ninh con người là những khái niệm có nội hàm độc lập, không đồng nhất, mặc dù có nét tương đồng, song cũng có sự khác biệt, nhất là trong hoạt động thực tiễn cuộc sống, trong hoạch định chính sách của các quốc gia. An sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội đều hướng tới mục tiêu vì con người, cho con người và do con người, lấy mục tiêu con người là trung tâm. Phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, an ninh xã hội chỉ là điều kiện, cơ sở để tiến tới mục tiêu thực hiện quyền con người. An sinh xã hội, an ninh xã hội có bảo đảm thì an ninh con người, quyền con người mới thực sự được thực hiện và ngược lại.

An sinh xã hội, an ninh xã hội, an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống, an ninh con người là những khái niệm có nội hàm vừa tương đồng vừa khác biệt, không đồng nhất, thể hiện tính phức tạp, đa dạng, chồng lấn cả trong lý thuyết cũng như thực tiễn. Song, chúng đều hướng tới lấy con người làm mục tiêu, làm trung tâm trong hoạch định chính sách, cũng như quản trị quốc gia, khu vực và toàn cầu hướng tới hòa bình, tự do, hạnh phúc cho mọi người.

Đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh kính yêu, ngay từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên năm 1930 đã xác định, lựa chọn con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân lao động là mục tiêu, bản chất, quy luật của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng tháng Tám thành công, trong Tuyên ngôn Độc lập (02-9-1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa tư tưởng trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp (1789), tiếp tục khẳng định Việt Nam là một quốc gia độc lập, nhân dân Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, tất cả mọi người sinh ra đều có quyền “bình đẳng”, tạo hóa cho họ những quyền “không ai có thể xâm phạm được”, “trong những quyền ấy có quyền “được sống”, “quyền tự do” và “quyền mưu cầu hạnh phúc”. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, anh dũng, vẻ vang để giành độc lập, thống nhất Tổ quốc và tiếp tục đi lên chủ nghĩa xã hội cũng chính là thể hiện bản chất cách mạng, khoa học của mục tiêu cao cả độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong suốt chiều dài lịch sử, Đảng và Hồ Chí Minh luôn coi

trọng, đúc rút bài học kinh nghiệm về cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy dân làm gốc. Tiếp tục phát huy tư tưởng và bản chất cách mạng đó, đất nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, Đảng chủ trương phải tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh công - nông - trí làm nền tảng. Những quan điểm, tư tưởng cốt lõi lấy con người Việt Nam là trung tâm, “vì con người và do con người” được thể hiện trong đường lối, cương lĩnh xây dựng đất nước, được thể chế hóa trong Hiến pháp, pháp luật cũng như các chính sách của Đảng, Nhà nước ta.

Việt Nam từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành quốc gia độc lập tự do phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng cao trong khu vực và thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Từ nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu đã ra - khỏi tình trạng kém phát triển bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần, hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường; độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; thế và lực của quốc gia được nâng lên. Đó là những thành công có ý nghĩa thời đại. Tư tưởng vì dân, do dân, lấy dân làm gốc, con người Việt Nam vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Đấu tranh cho độc lập dân tộc, tự do và chủ nghĩa xã hội cũng vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Trước kia cũng như hiện nay, Đảng, Nhà nước đã và đang thực hiện những quyết sách xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội, phát triển kinh tế gắn với an ninh quốc phòng, an sinh xã hội, an ninh môi trường, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị - xã hội, môi trường xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương và đồng thuận, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao. Mặc dù chúng ta còn nhiều khó khăn, hạn chế, song đó là những nỗ lực to lớn, quyết tâm chính trị của toàn Đảng và toàn dân ta. Đất nước ta, nhân dân ta từ

một nước nghèo, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, chúng ta hiểu rõ giá trị của hòa bình, phẩm giá dân tộc, phẩm giá con người ở một quốc gia (độc lập, tự do, dân chủ và bình đẳng. Trong khi đó, các thế lực thù địch ra sức lợi dụng dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc, chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung) được Quốc hội thông qua (2013) khẳng định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, kinh tế, dân sự, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” (Chương II, Điều 14). Như vậy, từ nhiều cách tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu cũng như hoạt động thực tiễn, khái niệm, nội hàm về an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người, an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống... có sự đan xen, chồng lấn, khác biệt, song đều hướng tới mục tiêu vì con người, lấy con người là động lực trung tâm của sự phát triển.

Cùng với tiến trình phát triển của đất nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân luôn là mục tiêu, động lực phát triển và là bản chất cách mạng của chế độ ta. An sinh xã hội và phúc lợi xã hội là hệ thống chính sách, giải pháp nhằm bảo vệ mức sống tối thiểu của người dân trước những rủi ro, tác động bất thường của kinh tế, xã hội, môi trường sống và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội không chỉ là thực hiện Tuyên ngôn thế giới về quyền con người mà cũng là trách nhiệm của mỗi quốc gia trong quá trình phát triển. Bảo đảm ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội luôn là chủ trương, nhiệm vụ lớn của Đảng, Nhà nước ta trong tiến trình cách mạng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Quan điểm cách mạng và khoa học về phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, phát triển nhanh và bền vững của Đảng, Nhà nước ta mang tính chi đạo, xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010, công tác an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đã thu được nhiều thành tựu quan

trọng. Hệ thống chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội ngày càng được hoàn thiện, đồng bộ trên các lĩnh vực: xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội đối với người có công với nước, mở rộng dịch vụ công... tạo điều kiện, cơ hội cho người dân tiếp cận, thụ hưởng tốt hơn chất lượng cuộc sống. Đảng và Chính phủ đặt trọng tâm vào công tác xóa đói giảm nghèo, thực hiện nhiều chính sách, chương trình dự án, tập trung nguồn lực xã hội trợ giúp người nghèo, vùng nghèo vươn lên thoát nghèo. Chính sách và giải pháp xóa đói giảm nghèo triển khai đồng bộ trên cả 3 phương diện: 1) Giúp người nghèo tăng khả năng tiếp cận, thụ hưởng dịch vụ công cộng như: y tế, giáo dục, việc làm, trợ giúp pháp lý, nhà ở, nước sinh hoạt...; 2) Hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua chính sách đất đai, tín dụng ưu đãi, khuyến nông - lâm - ngư, phát triển ngành nghề; 3) Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu cho thôn, bản khó khăn. Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được thành tích quan trọng, được nhân dân đồng tình ủng hộ, thế giới thừa nhận, đánh giá cao. Số hộ nghèo từ 29% (2002) giảm xuống còn 10% (2010); chênh lệch mức sống giữa thành thị và nông thôn giảm từ 2,3 lần (1999) còn 2 lần (2008), đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Đồng thời, Đảng và Nhà nước tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm với nhiều chính sách trợ giúp thiết thực, hàng năm giải quyết 1,6 triệu việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị từ 6,42% (năm 2000) xuống còn 4,6% (2010), góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động. Thu nhập thực tế bình quân đầu người tăng 2,3 lần trong 10 năm qua. Bên cạnh đó, hệ thống bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phát triển với nội dung, hình thức phong phú. Bảo hiểm y tế tăng nhanh, từ 13,4% dân số (2000) lên khoảng 62% dân số (năm 2010). Đặc biệt, thực hiện bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em đến 6 tuổi và một số đối tượng chính sách, người nghèo, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo. Cùng với những chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội như trên, chính sách ưu đãi đối với người có công từng bước được hoàn thiện. Đến nay, hơn 90% gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của cư dân cùng địa bàn. Các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất được quan tâm thiết thực cả về quy mô, đối tượng thụ hưởng và mức trợ giúp ngày càng tăng. Hệ thống của dịch vụ xã hội, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân



như: giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, cung cấp điện, nước, giao thông... đã phát triển, ưu tiên đầu tư cho vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số. Chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận của người dân cũng được nâng cao. Hiện nay, 100% số xã, phường có trạm y tế, 75% số xã có bác sĩ, đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, 83,5% số hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh, 96,1% số hộ sử dụng điện lưới, 86,9% số hộ sử dụng máy thu hình, 97% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã...

Bên cạnh đó, phong trào “tương thân tương ái”, “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa” do Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã huy động nguồn lực to lớn của xã hội cùng với Đảng, Nhà nước chăm lo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Đó là những thành quả to lớn, thể hiện bản lĩnh, bản chất cách mạng của Đảng, Nhà nước và dân tộc ta. Song, chúng ta cũng đứng trước những bất cập do nguyên nhân khách quan và chủ quan, đó là xóa đói giảm nghèo chưa bền vững, một bộ phận dân cư, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp còn nhiều, chất lượng dịch vụ còn thấp, nguồn lực cho an sinh xã hội và phúc lợi xã hội còn hạn chế, công tác quản lý còn nhiều yếu kém, hiệu quả chưa cao...

Do vậy, cần phải có nhận thức mới về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, phát huy thành quả, khắc phục bất cập yếu kém để xây dựng hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đồng bộ, hiệu quả. Đó là chức năng, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và cũng là quyền lợi, nghĩa vụ của toàn xã hội. Hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội phải đảm bảo đồng bộ, tích cực, chủ động, có tính xã hội hóa cao và bền vững. Hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội lấy con người là trung tâm, là động lực và mục tiêu của sự phát triển bền vững.